

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Giao chỉ tiêu đầu tư, phát triển năm 2025 đối với cụm công nghiệp Gò Mít do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát làm chủ đầu tư**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 4379/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND tỉnh Bình Định về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;*

*Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Văn bản số 90/SCT-QLCN ngày 13/01/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu đầu tư, phát triển năm 2025 đối với cụm công nghiệp Gò Mít do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát làm chủ đầu tư, Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công an tỉnh và UBND huyện Phù Cát căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Gò Mít thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu được giao theo Quyết định này.

Hàng năm, Sở Công Thương tiến hành đánh giá và báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xếp loại để áp dụng các chính sách khuyến khích, khen thưởng hoặc chế tài, xử lý theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Phù Cát; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Cát và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPKT;
- Lưu: VT, K6 (11b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**

**PHỤ LỤC**  
**CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ, PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP GÒ MÍT NĂM 2025**

| Stt | Nội dung thực hiện                           | Công việc                                                                                                                                                     | Hiện trạng           |                     | Chỉ tiêu năm 2025      | Ghi chú             |
|-----|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------|------------------------|---------------------|
|     |                                              |                                                                                                                                                               | Đã hoàn thành (X)    | Chưa hoàn thành (X) |                        |                     |
|     | CHỈ TIÊU HOÀN THÀNH NĂM 2025                 |                                                                                                                                                               |                      |                     | Hoàn thành 02 chỉ tiêu |                     |
| 1   | Lập quy hoạch chi tiết 1/500                 | Chủ đầu tư lập Báo cáo nhiệm vụ và trình phê duyệt Báo cáo nhiệm vụ lập Quy hoạch 1/500; Lập quy hoạch và trình phê duyệt quy hoạch 1/500                     | X                    |                     |                        |                     |
| 2   | Lập Dự án đầu tư xây dựng HTKT               | Chủ đầu tư lập Dự án đầu tư xây dựng HTKT trình Sở XD xem xét, thẩm định                                                                                      | X                    |                     |                        |                     |
| 3   | Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường     | Chủ đầu tư lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Sở TN&MT xem xét, thẩm định                                                                         | X                    |                     |                        |                     |
| 4   | Lập hồ sơ phòng cháy chữa cháy (PCCC)        | Lập hồ sơ thẩm duyệt thiết kế PCCC gửi Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH thẩm duyệt                                                                                  |                      | X                   |                        | Hoàn thành năm 2026 |
| 5   | Chuyển đổi đất lúa                           | Nhà đầu tư khảo sát, lập hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất lúa theo quy định.                                                                                 | Không phải thực hiện |                     |                        |                     |
| 6   | Lập hồ sơ và bồi thường, giải phóng mặt bằng | UBND cấp huyện xây dựng Kế hoạch BT-GPMB, kiểm đếm tài sản và áp giá, lập, phê duyệt Phương án bồi thường, niêm yết công khai và triển khai công tác BT-GPMB. | X                    |                     |                        |                     |
| 7   | Lập hồ sơ trồng rừng thay thế                | Nhà đầu tư lập hồ sơ gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định và trình UBND                                                                    |                      |                     |                        |                     |

| Stt | Nội dung thực hiện                                       | Công việc                                                                                                                   | Hiện trạng        |                     | Chỉ tiêu năm 2025 | Ghi chú             |
|-----|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|-------------------|---------------------|
|     |                                                          |                                                                                                                             | Đã hoàn thành (X) | Chưa hoàn thành (X) |                   |                     |
|     | (nếu có)                                                 | tỉnh phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế                                                                                |                   |                     |                   |                     |
| 8   | Chuyển mục đích SDD, giao đất, thuê đất                  | Chủ đầu tư lập Hồ sơ trình Sở TN&MT; Sở TN&MT thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt chuyển mục đích, cho thuê đất | X                 |                     |                   |                     |
| 9   | Cấp Giấy phép xây dựng                                   | Chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền cấp phép xây dựng                                                       | X                 |                     |                   |                     |
| 10  | Khởi công xây dựng                                       | Hoàn thành các thủ tục pháp lý có liên quan                                                                                 | X                 |                     |                   |                     |
| 11  | Xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung | San lấp mặt bằng                                                                                                            | X                 |                     |                   |                     |
|     |                                                          | Hệ thống các công trình giao thông nội bộ, vỉa hè                                                                           |                   | X                   | Quý III/2025      |                     |
|     |                                                          | Hệ thống cấp nước                                                                                                           | X                 |                     |                   |                     |
|     |                                                          | Hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn                                                                          | X                 |                     |                   |                     |
|     |                                                          | Cấp điện, chiếu sáng công cộng                                                                                              |                   | X                   |                   | Hoàn thành năm 2026 |
|     |                                                          | PCCC                                                                                                                        |                   | X                   |                   | Hoàn thành năm 2026 |
|     |                                                          | Hệ thống cây xanh                                                                                                           | X                 |                     | Quý IV/2025       |                     |
|     |                                                          | Thông tin liên lạc nội bộ và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác                                                           | X                 |                     |                   |                     |
| 12  | Nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng         | Vận hành, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật                                                                         | X                 |                     |                   |                     |
| 13  | Niêm yết giá, công khai thông tin về giá cho thuê đất    | - Chủ đầu tư xây dựng Phương án giá cho thuê đất gắn hạ tầng kỹ thuật và giá các dịch vụ công cộng,                         | X                 |                     |                   |                     |

| Stt | Nội dung thực hiện                                                          | Công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Hiện trạng        |                     | Chỉ tiêu năm 2025                       | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|-----------------------------------------|---------|
|     |                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Đã hoàn thành (X) | Chưa hoàn thành (X) |                                         |         |
|     | gắn hạ tầng kỹ thuật và giá các dịch vụ công cộng, tiện ích khác            | <p>tiện ích khác theo quy định gửi Sở Công Thương.</p> <p>- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thực hiện rà soát, thống nhất Phương án giá cho thuê đất gắn hạ tầng kỹ thuật và giá các dịch vụ công cộng, tiện ích khác.</p> <p>- Chủ đầu tư thực hiện niêm yết giá cho thuê đất gắn hạ tầng kỹ thuật và giá các dịch vụ công cộng, tiện ích khác tại địa điểm giao dịch; công khai thông tin về giá cho thuê đất gắn hạ tầng kỹ thuật và giá các dịch vụ công cộng, tiện ích khác theo hình thức: đăng trên website của Chủ đầu tư và gửi Văn bản thông báo về Sở Công Thương để theo dõi.</p> |                   |                     |                                         |         |
| 14  | Cho thuê hạ tầng kỹ thuật CCN                                               | Thu hút các DN thứ cấp vào đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | X                 |                     |                                         |         |
| 15  | Thực hiện duy tu, bảo dưỡng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung | Công trình hạ tầng kỹ thuật cần duy tu, bảo dưỡng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                   |                     | Duy tu, bảo dưỡng định kỳ theo quy định |         |
| 16  | Xây dựng Quy chế cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng tiện ích trong CCN | Ban hành Quy chế cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong CCN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | X                 |                     |                                         |         |